Tính nước đôi trong truyện ngắn ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 qua khảo sát trên tạp chí *Bách Khoa*

Bùi Ngọc Anh Thư
Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ
Email: anhthu12719@gmail.com
Ngày nhận bài: 28/3/2023; Ngày sửa bài: 19/5/2023; Ngày duyệt đăng: 24/5/2023

Tóm tắt

Hậu thuộc địa đã và đang là một giới thuyết nghiên cứu hứa hẹn nhiều triển vọng. Đặc biệt đối với một quốc gia từng trải qua thời kỳ thuộc địa lâu dài như Việt Nam, việc ứng dụng thuyết hậu thuộc địa vào nghiên cứu văn học tỏ ra phù hợp và cần thiết để nhìn lại những tàn tích văn hóa còn sót lại của chủ nghĩa thực dân. Một trong những nội dung nổi bật của thuyết hậu thuộc địa là tính nước đôi có thể bắt gặp ở cả chủ thể thực dân lẫn thuộc địa. Bài viết tập trung chỉ ra tính nước đôi trong một số truyện ngắn trên tạp chí Bách Khoa thông qua việc phân tích các nhân vật ở các phương diện tư tưởng, thái độ, tình cảm. Từ đó, hướng đến lý giải những mâu thuẫn nội tại cũng như thể hiện khát vọng vượt thoát của chủ thể thuộc địa trong một bối cảnh xã hội hết sức phức tạp của miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975.

Từ khóa: *Tạp chí Bách Khoa, tính nước đôi, thuyết hậu thuộc địa, truyện ngắn, văn học đô thị miền Nam*

The ambivalence in short stories of Southern urban areas in the period 1954-1975: Case of *Bach Khoa* magazine

Bui Ngoc Anh Thu
School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University
Correspondence: anhthu12719@gmail.com
Received: 28/3/2023; Revised: 19/5/2023; Accepted: 24/5/2023

Abstract

Postcolonial theory has been concerned as a promising research area. Especially for a country that has undergone a long colonial period like Vietnam, the application of post-colonial theory to literary research proves to be appropriate and necessary to look back at the remaining cultural remnants of colonialism. One of the outstanding content of postcolonial theory is the ambivalence that can be found in both colonial and colonial subjects. The article is focused on pointing out the ambivalence in some short stories in Bach Khoa magazine by analyzing the characters in terms of ideas, attitudes and emotions. From there, it aims to explain the internal contradictions as well as express the colonialist's aspiration to escape in complex social context of South Vietnam in the 1954-1975 period.

Keywords: *Bach Khoa magazine, the ambivalence, postcolonialism, short stories, Southern urban literature*

1. Đặt vấn đề

Tính nước đôi là một trong những nội dung quan trọng của thuyết hậu thuộc địa - một giới thuyết có mặt trên thế giới từ những năm 90 của thế kỷ XX. Sự ra đời của thuyết hậu thuộc địa đã giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại ở các nước thuộc địa nằm ngoài vòng cương tỏa của các học thuyết phương Tây. Về thuật ngữ tính nước đôi, ban đầu được sử dụng trong tâm lý học để diễn tả những trạng thái đối lập cùng song hành trong một chủ thể. Đến thuyết hậu thuộc địa, tính nước đôi đã trở thành một biểu hiện phổ biến, bắt gặp ở cả chủ thể thuộc địa lẫn thực dân. Tính nước đôi được biểu hiện chủ yếu qua mối quan hệ giữa bản địa và *"mẫu quốc"* và giữa bản địa đối với chính quê hương, xứ sở của mình. Tính nước đôi *"mô tả sự pha trộn phức tạp giữa sự hấp dẫn và ghê tởm đặc trưng cho mối quan hệ giữa thuộc địa và thực dân"* (Ashcroft và cộng sự: 2000). Cụ thể, *"đó là trạng thái giằng co giữa khước từ và tiếp nhận, kháng cự và tuân phục, căm ghét và ngưỡng mộ... ở chủ thể thuộc địa/ chủ thể hậu thuộc địa."* (Bùi Thanh Thảo, 2017).

Tính nước đôi được thể hiện trong nhiều truyện ngắn ở đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 một cách đầy ám ảnh. Tồn tại trong một bối cảnh lịch sử - xã hội hết sức phức tạp, dưới sự xâm lăng văn hóa ồ ạt của Mỹ, văn học đô thị luôn chứa đựng những đan xen, hỗn loạn giữa các luồng tư tưởng, những xu hướng chính trị lẫn khuynh hướng sáng tác. Trạng thái nước đôi là một điều không thể tránh khỏi trong văn học ở miền Nam giai đoạn này trước cuộc sống ngày càng *"Tây hóa"*, *"Mỹ hóa"*, trước những cuộc chiến tranh liên tiếp, trước mặc cảm bị đô hộ, bị xâm lăng triền miên, dai dẳng. Hoàn cảnh ấy tồn tại trong suốt gần một thế kỷ, từ Pháp đến Mỹ, từ chủ nghĩa thực dân cũ đến chủ nghĩa thực dân mới, dần xuất hiện trong nhân dân một tâm thức hậu thuộc địa. Trong đó, tính nước đôi nhanh chóng chuyển thành công cụ đối kháng trực tiếp với chủ nghĩa thực dân.

Để góp phần làm rõ tính nước đôi trong một số truyện ngắn thuộc dòng văn học đô thị miền Nam, bài viết tiến hành khảo sát các tác phẩm từng được đăng trên tạp chí Bách Khoa.

2. Sơ lược về tạp chí *Bách Khoa* và truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa*

2.1. Tạp chí *Bách Khoa*

Tạp chí *Bách Khoa* được xem là một trong nhất tờ báo *"thọ"* nhất ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 khi xuất bản định kỳ nửa tháng một số, liên tục trong vòng 18 năm. *Bách Khoa* trực thuộc hội *Văn hóa bình dân*, do Huỳnh Văn Lang và một số cộng sự chủ trương lập ra để dễ dàng thực hiện các ý tưởng nghiên cứu. Tên tờ báo được mượn từ tên của tờ *Bách Khoa bình dân* đã đình bản từ số thứ hai và lược bỏ hai chữ *"bình dân"*, chỉ giữ lại hai từ *Bách Khoa*. Đúng với tên gọi *Bách Khoa*, đây là một tờ báo nghiên cứu đa dạng các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội, văn hóa văn nghệ, … với đầy đủ các khuynh hướng, lập trường quan điểm khác biệt, thậm chí là đối lập nhau.

Mục đích hoạt động của tạp chí *Bách Khoa* đã được xác định trong phần Thay lời phi lộ khi số báo đầu tiên ra mắt *"Bách Khoa không có tham vọng vạch sẵn một đường lối, một chủ trương hoàn hảo, nhưng có mục đích đóng góp một chút công, một chút lòng thành cùng toàn thể trong công cuộc chấn hưng đất nước*". Không có chủ trương *"văn nghệ Cách mạng"* cũng không chủ trương *"vượt thời gian"* (Võ Phiến,

1986). Đó là một trong những lý do biến *Bách Khoa* thành một *"vùng đất hứa"* cho nhiều tác giả cả nam lẫn nữ, cả mới lẫn cũ, cả có thâm niên lẫn mới vào nghề, cả chuyên nghiệp lẫn non trẻ, ... đều có thể thỏa sức vẫy vùng sáng tạo. Sự phong phú trong nội dung, lĩnh vực, lực lượng sáng tác, khuynh hướng sáng tác đã tạo nên cho *Bách Khoa* một diện mạo muôn màu, muôn vẻ, thâu vào đó vô vàn diễn biến phức tạp của đời sống nhân dân miền Nam giai đoạn 1954-1975.

2.2. Truyện ngắn trên Tạp chí *Bách Khoa*

Truyện ngắn là một trong những thể loại tiêu biểu của văn học đô thị miền Nam mà nguyên nhân, theo Trần Hữu Tá thì: *"Do đặc điểm gọn gàng, không đòi hỏi quá nhiều thời gian, công sức lao động nghệ thuật, mà lại sớm có thể tái hiện một lát cắt ngang của cuộc sống, ghi nhận một bộ phận, khắc họa một vài tính cách buộc người đọc phải băn khoăn vương vấn về một ý tưởng, một thái độ chính trị hoặc một quan điểm đạo đức nhất định, nên cũng như ở bất kì nền văn học nào khác, trong văn học yêu nước đô thị, truyện ngắn phát triển sớm hơn và mạnh hơn."* (Trần Hữu Tá, 2000). Truyện ngắn không chỉ là một thể loại phát triển mạnh mẽ trong văn học đô thị mà còn là một bộ giữ một vai trò quan trọng trong suốt 18 năm tồn tại của tạp chí *Bách Khoa*. Ngay từ số báo đầu tiên, *Bách Khoa* đã giới thiệu đến độc giả truyện ngắn mang tên *Sau giấc ngủ mười năm* của Minh Đức. Từ một truyện/ số ở những năm đầu, ban biên tập đã dần tăng số lượng truyện ngắn trong một số qua từng năm. Nhất là vào những số đặc biệt như số Tết, số kỷ niệm thành lập tạp chí, ... lượng truyện ngắn được đăng tải có thể dao động từ 4-5 truyện/ số. Lượng truyện ngắn tính từ số báo đầu tiên cho đến số báo cuối cùng trên tạp chí *Bách Khoa* đã cán mốc 533 truyện - một con số ấn tượng mà không phải ấn phẩm báo chí nào trong bối cảnh đặc biệt ấy cũng có thể đạt được.

Bách Khoa hội tụ truyện ngắn của hơn 100 cây bút thuộc đủ mọi khuynh hướng, từ yêu nước, hưởng thụ, thoát ly và cả chống đối Cách mạng. Nói như Nguyên Sa thì *Bách Khoa* là một *"vùng xôi đậu"* khi có khả năng dung hòa những tác phẩm thuộc nhiều khuynh hướng văn hóa, chính trị đối lập *"đón nhận cả Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Vũ Hạnh lẫn Võ Phiến, Vũ Bảo..."* (Võ Phiến, 1986). Sự đa dạng của lực lượng sáng tác thuộc đa khuynh hướng đã tạo nên một diện mạo *Bách Khoa* muôn màu, muôn vẻ, tiệm cận nhất với tình hình văn học đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975. Rất nhiều truyện trong số 533 truyện đạt *"độ chín"* về chất lượng nghệ thuật lẫn nhận thức tư tưởng như *Rừng mắm, Ba con cáo* của Bình Nguyên Lộc, *Bút máu* của Vũ Hạnh, *Gió cuốn* của Võ Hồng, *Cây đa đồn cũ*, *Hương máu* của Nguyễn Văn Xuân, ... Nhưng cũng có một số truyện của Võ Phiến, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Phan Du, ... vì viết theo lối feuillton, theo đơn đặt hàng nên viết nhanh, viết vội và cố tình kéo dài cốt truyện làm cho các tác phẩm dù ăn khách nhưng chưa có giá trị cao về mặt nghệ thuật. Tuy chất lượng nghệ thuật không đồng đều nhưng nhìn chung, *Bách Khoa* đã thành công trong việc tạo điều kiện để nhiều cây bút truyện ngắn thỏa sức sáng tạo bằng những tác phẩm đa đề tài, chủ đề và cả khuynh hướng. Tất cả đã góp phần lưu giữ, tái hiện bức tranh xã hội, bức tranh tâm hồn người dân miền Nam trong những tháng năm chiến tranh mất mát, đau thương.

3. Tính nước đôi trong truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa*

3.1. Tính nước đôi đối với *"mẫu quốc"*

Sự xâm lăng của Mỹ theo đường hướng của chủ nghĩa thực dân kiểu mới đã gieo rắc vào tư tưởng, tâm hồn người dân Việt Nam nhiều mâu thuẫn, đan xen giữa phục tùng và chống trả, giữa hòa nhập và chối bỏ, giữa ngưỡng vọng và bài xích. Dòng thác đô-la ồ ạt mà Mỹ đổ vào miền Nam cùng những lời hứa hẹn hào nhoáng mà chính quyền Sài Gòn rao giảng đã tác động không nhỏ đến đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận người dân. Sự lộng lẫy bề ngoài của bộ máy cai trị gây cho họ một ảo tưởng về đời sống tương lai, nhưng mặt khác, hiện thực đói khổ, nghèo nàn, chết chóc đã nhanh chóng kéo họ về với thực tại. Từ đó, làm dấy lên trong lòng họ những nỗi hoài nghi, những tư tưởng, tình cảm đan xen, đối nghịch nhau dành cho *"mẫu quốc"*. Nguyên nhân của sự đối nghịch đó ở chỗ *"Từ vị trí của người dân thuộc địa, với tinh thần dân tộc họ nhìn mẫu quốc bằng lòng căm ghét, thù hận. Mẫu quốc là cội nguồn của những mất mát, đau thương cho đất nước, là nguyên nhân của những cuộc giày xéo đẫm máu trong chiến tranh. Nhưng chính nơi đó, mẫu quốc cũng lại được tôn sùng với sức mạnh "sừng sững" về quân sự, kinh tế, văn hóa..."* (Trần Mỹ Tường, 2018). Trạng thái nước đôi đối với *"mẫu quốc"* được thể hiện trong không ít truyện ngắn đăng trên tạp chí *Bách Khoa* của một số tác giả như Sơn Nam, Võ Hồng, Lê Tất Điều, Du Li, ... Trong đó, các tác giả đã lựa chọn xây dựng chủ thể thuộc địa kể cả khi trực tiếp sinh sống tại *"mẫu quốc"* lẫn đang sống dưới sự cai trị của *"mẫu quốc"* trên quê hương của mình.

Trong văn học đương đại, đặc biệt trong các tác phẩm văn học di dân của Thuận, Đoàn Minh Phượng, Linda Lê, Lê Thị Diễm Thúy, Dương Thụy, ... tâm trạng nước đôi thường được nảy sinh ở những chủ thể trực tiếp sinh sống tại hải ngoại. Nhưng với văn học đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975, không phải đợi đến khi sống tại xứ người thì chủ thể thuộc địa mới hình thành trạng thái nước đôi đối với *"mẫu quốc"*. Ngay khi sống tại quê hương, nhưng dưới ách đô hộ của thực dân, chủ thể thuộc địa cũng nhanh chóng rơi vào những trạng thái cảm xúc mâu thuẫn đan xen, lẫn lộn. Lấy bối cảnh thời Pháp thuộc, *Một chuyện khó tin* của Sơn Nam đã thể hiện một tình trạng vừa hợp tác, vừa bất hợp tác đối với Pháp của không ít người dân Nam Bộ *"Họ tuân theo răng rắc các luật lệ của chánh phủ Pháp đặt ra và... không đặt ra*" [7], họ hợp tác với Tây những cũng rất căm ghét Tây, họ vừa tiếp nhận nhưng cũng vừa chối bỏ những gì "văn minh" phương Tây mang lại. Nhân vật cậu Hai con quan huyện sẵn sàng tha bổng cho người dân thiếu thuế thân dù việc đó vi phạm luật của nhà nước Tây. Nhiều người như cha con cậu Hai, dù làm việc cho Pháp nhưng cũng không hoàn toàn phục tùng người Pháp. Tinh thần bất hợp tác ấy ngày càng dấy lên mạnh mẽ, nhất là khi đứng trước cảnh người dân đất nước mình bị thực dân bắt bớ, giam cầm, tù đày; quê hương mình bị kẻ xa lạ đến chiếm đoạt, giày xéo. Dù Pháp có rao giảng về công lao đã *"sửa đổi vũng bùn lầy Bến Nghé thành Hòn Ngọc Viễn Đông"* [7] nhưng cũng không thể làm người dân bản địa thay đổi suy nghĩ về hành vi xâm lăng, đô hộ mà chúng đang thực hiện. Chính vì thế, đứng trước *"mẫu quốc"* người dân thuộc địa luôn mang những trạng thái trái ngược, một thái độ nước đôi để vừa có thể tồn tại dưới ách cai trị thực dân, vừa giữ vững hồn cốt của dân tộc mình.

Dù là đối với Pháp (đại diện cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ) hay Mỹ (đại diện

cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới), chủ thể hậu thuộc địa cũng không tránh khỏi việc nhập nhòe giữa những cảm xúc yêu và ghét, biết ơn và căm hờn. Trong *Buổi chiều* của Lê Tất Điều, câu hỏi quan niệm của dân Việt đối với người Mỹ của ông đại tá vô tình khơi gợi cho nhân vật *"tôi"* nhiều luồng suy nghĩ mâu thuẫn, trái ngược nhau. Nhưng cũng chính sự mâu thuẫn, trái ngược ấy đã diễn tả đúng đắn thực tế thái độ của nhân dân thuộc địa đối với *"mẫu quốc"*. Với *"tôi"*, nói phiền trách người Mỹ thì chưa đúng nhưng nếu nói biết ơn thì cũng không phải. Những gì mà người Mỹ mang đến Việt Nam được *"tôi"* ví như việc đến nhà có tang mà *"đồ phúng điếu là bom đạn"* khiến cho *"nụ cười hiếu khách của dân tộc tôi trôi nổi qua những năm dài bom đạn giờ đã tàn héo"* [3]. Nhưng với sức ảnh hưởng to lớn của một cường quốc, ở đất nước thuộc địa này đã *"có biết bao nhiêu bàn tay ngửa ra trước mặt người Mỹ"* [3] để cầu xin sự giúp đỡ, ban bố từ chính kẻ mà họ đang lên án vì giày xéo quê hương mình. Điều đó, khiến cho không ít người dân rơi vào cảnh ngộ như *"tôi"* lạc loài, bế tắc trước một hiện thực đầy éo le, ngang trái.

Sự đổ bộ ồ ạt của quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam, nhất là sau năm 1965 cùng với thứ chủ nghĩa bá quyền mà họ rao giảng trước đó đã khiến cho một bộ phận người dân bản địa tin tưởng, ngưỡng vọng vào uy lực đem lại "tự do, dân chủ" của "người bạn đồng minh". Thế nhưng, thực tế hoàn toàn trái ngược đã diễn ra khi chiến tranh ngày một leo thang, đời sống ngày càng khó khăn và chính người Mỹ cũng dần bộc lộ những mặt xấu xa của họ. Thực tế ấy đi ngược lại với kỳ vọng ban đầu, khiến người dân bản địa không tránh khỏi cảm giác lưỡng lự, băn khoăn, hoài nghi. Họ thường xuyên đứng giữa sự giằng co giữa tôn sùng và chán ghét, phục tùng và chống trả lại thực dân. Tâm trạng ấy nổi lên giữa một không khí đầy ngột ngạt ở các đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 và được các cây bút như Võ Hồng với *Màu xanh ảo giác*, Kinh Dương Vương với *Chuyến xe* thể hiện đầy chân thực. Cảnh ngộ của hai vợ chồng Hoa, Phú trong *Màu xanh ảo giác* đã nói lên tình trạng tôn sùng, dựa dẫm vào Mỹ của không ít người dân bản địa. Họ cho treo những tấm bảng "House for rent" để kiếm chác những đồng đô-la từ lính Mỹ đến thuê nhà. Ban đầu, họ rất kỳ vọng và cũng phần nào hài lòng về sự sòng phẳng, chịu chi của người Mỹ. Nhưng khi chiến sự thay đổi, lính Mỹ rút dần về nước, lúc này, những con người văn minh ấy mới lộ rõ bản chất kệch cỡm, bịp bợm của mình. Họ bỏ lại những người vợ da vàng cùng những đứa con lai. Họ cưỡng đoạt hết những gì có thể lấy được từ chủ nhà *"Có nhiều người Mỹ không được lương thiện. Khi dọn nhà thì dọn luôn đồ đạc của chủ nhà cho mượn."*[10]. Mọi lời tung hô về sự văn minh, tiến bộ của một cường quốc giờ đây đã hoàn toàn biến mất, thứ còn sót lại là những hậu quả to lớn, những trò ô uế làm đảo lộn cuộc sống của biết bao người dân Việt Nam. Hiện thực tàn nhẫn ấy trở thành một đòn chí mạng, làm sụp đổ lòng tin và sự ngưỡng vọng mà một bộ phận người dân bản địa dành cho "mẫu quốc". Họ đi giữa hai bờ vực của việc cảm kích và căm giận, dựa dẫm và thoát ly. Một mặt, sự hiện diện của người Mỹ đã giúp họ trở nên khá giả trong khoảng thời gian ngắn, khiến họ bị ảo tưởng về quyền lợi gắn với một tương lai tốt đẹp. Mặt khác, những điều dối trá, điêu ngoa, vô trách nhiệm mà người Mỹ thể hiện lại không khỏi khiến họ căm phẫn, ngao ngán và mong muốn chấm dứt.

Trạng thái nước đôi còn được thể hiện qua tâm trạng vừa phục tùng, vừa chống trả của người dân thuộc địa với "mẫu quốc". Với chiêu bài là "người bạn đồng minh", Mỹ thuận lợi nhúng tay vào tình hình Việt Nam và dần khiến cho miền Nam Việt Nam ngày càng lệ thuộc vào Mỹ về mọi mặt. Quyền lực thống trị ấy bắt buộc người dân, dù muốn dù không, cũng phải phục tùng "mẫu quốc". Nhưng với lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, trong họ cũng manh nha xuất hiện sự phản kháng, chống đối lại với kẻ xâm lăng. *Chuyến xe* của Kinh Dương Vương đã thể hiện thái độ e ngại, dè dặt của người dân bản địa khi đối mặt với lính Mỹ. Khi thấy có xe nhà binh Mỹ, anh tài xế đã thắng xe, giảm bớt tốc độ, nép sát vào lề đường nhưng vẫn bị một tên lính ném lon bia vỡ cửa kính, làm anh bị thương. Anh tài xế không dám chống trả nhưng cũng không hoàn toàn cam chịu, khiếp nhược trước sự việc đó. Hơn hết, tâm trạng nước đôi giữa phục tùng và chống trả được bộc lộ qua những mong ước giản dị của những hành khách trên xe *"Chết súng chết đạn chưa đủ, còn thêm nạn xe Mỹ cán nữa. Răng chính phủ mình không can thiệp cho họ bớt ẩu tả đi."* [11]. Với thân phận là một kẻ bị trị, người dân bản địa có cảm giác bắt buộc phục tùng, tuân theo "mẫu quốc". Nhưng với tư cách là một công dân của một quốc gia, họ không thể chấp nhận sống dưới sự áp bức, đè nén từ một kẻ xa lạ ngay trên quê hương bản quán của mình. Hoàn cảnh đó đã đặt họ vào một trạng thái phân vân, lưỡng lự, luôn bị chi phối bởi những cảm xúc đối nghịch, đan xen giữa phục tùng và chống trả, giữa nhẫn nhịn và đấu tranh.

Tâm trạng nước đôi với "mẫu quốc" càng được biểu hiện rõ rệt khi chủ thể thuộc địa trực tiếp sinh sống tại hải ngoại. Tuy chỉ góp mặt trên *Bách Khoa* bằng vỏn vẹn bốn truyện ngắn nhưng Du Li đã khắc họa tình cảnh lẫn tâm cảnh của người dân di cư một cách đầy ám ảnh. Họ tồn tại giữa những trạng thái đối lập, vừa khước từ vừa cố gắng hòa nhập, vừa học hỏi nhưng cũng vừa lên án đối với những hiện tượng, lối sống ở *"mẫu quốc"*. Nhân vật Hương trong truyện *Trong lòng son* dù sống ở đất Hoa Kỳ văn minh, tiến bộ nhưng vẫn không khỏi chua chát khi nhận thấy những mặt trái của xã hội nơi đây, nhất là trong vấn đề tình yêu - tình dục. Hương phê bình về tình trạng nam và nữ ở cùng một lưu xá, chung một buồng tắm dẫn đến hiện trạng quan hệ tình dục bất hợp pháp *"thế hệ trẻ Hoa Kỳ này rồi hư hỏng cả. Vì bọn chúng nó sung túc và tự do quá."* [4]. Nhưng chính bản thân Hương cũng khát khao phá bỏ bức tường thành luân lý để được sống thực với những xúc cảm nguyên bản nhất của con người. Cô tự hỏi tại sao tâm hồn thì phong phú thế nhưng lại bắt thể xác phải ngủ yên? Một sự giằng co âm thầm mà mãnh liệt đã diễn ra trong Hương, khi một bên là ảnh hưởng thường nhật từ lối sống phóng khoáng của *"mẫu quốc"*, một bên là nề nếp tác phong đã ngấm sâu vào tư tưởng của con người Việt Nam biết bao thế hệ. Đứng trước sự lựa chọn khó khăn, nhân vật không tránh khỏi tâm trạng lưỡng lự, phân vân tạo nên trạng thái nước đôi, muốn học theo lối sống tự do, phóng túng nhưng cũng e dè, ghê tởm trước chính lối sống ấy. Cũng như Hương, Trọng trong *Trong cơn thoát xác* dù đã sinh sống trên đất Hoa Kỳ suốt sáu năm nhưng cũng không tránh khỏi cảm giác chênh vênh, lạc lõng tại xứ người. Trọng ngưỡng vọng những thành tựu, văn minh nơi *"mẫu quốc"*, anh đã và đang học tập những điều tốt đẹp tại đây để hướng đến cải tạo những cái dở của nước mình. Nhưng sau cái cảm giác sung sướng, hài lòng vì có

cơ hội du học tại Mỹ, Trọng càng ngỡ ngàng và đau đớn khi nhận ra sự phi lý của cuộc sống nơi đây *"Em cảm ơn thượng đế là em có cơ hội học hành, có cơm ăn và áo ấm. Nhưng làm sao em sung sướng cho nổi khi thấy đời sống tràn đầy những phi lý và bất công, thấy con người nhiều khi lam lũ khổ cực quá."* [6]. Sự phi lý ấy được tạo nên bởi cuộc sống khổ cực, lam lũ của không ít người dân; bởi chi phí cho những việc tầm thường như mua thức ăn cho chó mèo ngốn đến hằng hai ba tỷ đô-la - một khoản tiền mà các nước thuộc địa hoàn toàn có thể sử dụng để cải thiện đời sống. Trọng ngưỡng vọng *"mẫu quốc"* nhưng cũng nhận ra được những mặt trái từ cuộc sống hiện đại, hào nhoáng. Trọng đang cố gắng thích nghi với đời sống nơi xứ người nhưng cũng không muốn bản thân bị *"Mỹ hóa"*, lai căng. Và hơn hết, dù hiện tại cố hòa nhập vào lối sống Mỹ nhưng Trọng luôn nuôi dưỡng ước mơ được trở về, được dùng những kiến thức, kinh nghiệm có được để kiến thiết quê hương xứ sở. Mọi nỗ lực hòa nhập, thích nghi của những người tha hương như Trọng và Hương không thể hoàn toàn xóa nhòa những dấu vết của người dân thuộc địa. Tâm trạng nước đôi khi sinh sống trên đất nước đô hộ Tổ quốc mình khiến họ không khỏi day dứt, băn khoăn và nảy sinh ở họ tâm thức lạc loài vì sự xa rời, khác biệt.

Có thể thấy, trạng thái nước đôi trong mối quan hệ đối với *"mẫu quốc"* đã được nhiều nhà văn phản ánh đầy chân thực, sinh động trong các truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa*. Dù chủ thể thuộc địa có hay không rời xa quê gốc về mặt địa lý thì trạng thái nước đôi trong mối quan hệ với *"mẫu quốc"* vẫn dai dẳng tồn tại như một lẽ tất yếu, tự nhiên. Bởi dẫu có ở nơi đâu thì quá khứ bị thống trị cùng với mặc cảm thua kém vẫn luôn đeo đẳng, ám ảnh người dân thuộc địa. Nỗi mặc cảm, tự ti ấy đã tạo nên những phức cảm đối nghịch trong bản thân chủ thể khi đứng trước *"mẫu quốc"*, một mặt ngưỡng vọng, muốn xích lại gần, mặt khác lại căm ghét và khao khát thoát ly.

3.2. Tính nước đôi đối với quê hương

Tình yêu quê hương tạo thành một *"mẫu số chung"* cho rất nhiều truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa*. Tình yêu ấy được thể hiện qua nhiều phương diện, bằng nhiều khía cạnh với những nội dung phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với tư cách là một người dân của quốc gia thuộc địa, lắm lúc các nhân vật phải đối diện với nhiều phức cảm hỗn tạp khi đứng trước quê hương. Đối với quê hương, chủ thể thuộc địa vẫn dai dẳng một niềm yêu mến, nhớ nhung nhưng lại không tránh khỏi cảm giác cách xa, lạ lẫm. Cảm giác lạc loài, cô độc bao trùm lên khắp các trang viết của nhiều tác giả trên *Bách Khoa*. Nó không chỉ xuất hiện khi chủ thể thuộc địa bị bắt buộc hay tự nguyện rời xa quê hương bản quán về mặt địa lý, mà đau đớn hơn, nó giày vò họ ngay cả khi họ vẫn đặt chân trên mảnh đất quê hương nhưng tâm hồn đã sớm thấm thía sự cách xa dần với văn hóa nguồn cội. Những ký ức về quê hương của quá khứ, dáng vẻ của quê hương ở hiện tại, số phận của quê hương trong tương lai tạo thành một ám ảnh sâu sắc, in hằn trong tiềm thức của những người con xa xứ hoặc đang sống bơ vơ trên chính quê hương của mình.

Thông thường, con người ta chỉ nhớ quê khi đã tách rời, không còn "thường trú" trên quê hương bản quán. Nhưng những biến động liên tục của thời cuộc, nhất là sự thống trị về mọi mặt của suốt một phần tư thế kỷ đã khiến bộ mặt miền Nam Việt Nam trở nên méo mó, khác biệt. Thế nên, không chỉ lúc xa cách quê hương con người mới

cảm thấy đau đớn, chênh vênh. Khi đứng trên quê hương vốn dĩ của mình nhưng lại đang chịu cảnh bị xâm lăng, đô hộ, cảm giác lạ lẫm, xót xa mới trào dâng tột độ. Trần Đại với *Khi mùa xuân tới* đã diễn tả một trạng thái nước đôi rõ rệt đối với quê gốc qua sự giằng co giữa việc yêu và ghét, ra đi và trở về. Chiến tranh đã ném vào lòng quê hương biết bao bom đạn và cứa vào lòng người những vết thương không thể chữa lành. Chiến tranh cùng với sự xâm lăng văn hóa của Mỹ đã biến Sài Gòn của Văn, Trọng, Tùng thành một nơi lạ lẫm, nhếch nhác. Dù trong tâm thức của những thanh niên đô thị, họ vẫn mãi yêu và trân trọng những kỷ niệm đã có với mảnh đất quê hương nhưng để mong trở về và được sống trọn vẹn như quá khứ là một điều không thể. Câu hỏi *"Làm gì có mùa xuân ở trên quê hương tụi mình?"* cứ lặp đi lặp một cách đầy day dứt, thể hiện một niềm tiếc nuối, một sự đau đớn khi nhận ra bản thân xa lạ với chính quê hương của mình. Bên cạnh đó, cũng có không ít những con người như Tiến, sẵn sàng sỉ vả quê hương nhưng không thể bứt mình rời khỏi quê hương. Tiến nhận thức được sự đổi thay của Sài Gòn khi *"Bar, Building mọc như nấm, Mỹ nhiều như nước chảy"*, trốn chạy một "*Sài Gòn đĩ điếm, Sài Gòn là ổ rác"* [2] nhưng chính anh lại là người dùng mọi thủ đoạn để hả hê có được tấm vé quay trở về Sài Gòn trong những ngày cuối năm. Qua đó, có thể nhận thấy, đối với quê hương bản địa, dù mang một cảm giác tự ti, mặc cảm và thậm chí là chán nản, chấn thương trước sự xâm lăng dữ dội của chủ nghĩa thực dân, nhưng người dân bản địa vẫn không thể hoàn toàn phũ bỏ tình cảm với quê hương xứ sở. Họ sống với hoài niệm về quê hương dù hiện tại vẫn nỗ lực thích nghi với biến đổi, họ muốn gần gũi với quê hương nhưng lại cảm nhận rõ rệt sự ngăn cách, xa rời. Việc đi giữa những lằn ranh cảm xúc ấy khiến chủ thể thuộc địa nhanh chóng rơi vào cảm giác lạc lõng, cô đơn dù là có rời xa hay đang trực tiếp sinh sống trên quê hương.

Sự xa lạ đối với quê hương phần lớn xuất phát từ những thay đổi đột ngột, to lớn mà chủ thể thuộc địa nhất thời chưa thể chấp nhận. Tâm trạng này xuất hiện rất nhiều trong hàng loạt các sáng tác của Võ Hồng, Vô Ưu, Lê Tất Điều, Biên Hồ, ... với cách xây dựng hình ảnh khác biệt của quê hương trong quá khứ và hiện tại. Điểm chung ở các nhân vật trong truyện ngắn của các nhà văn trên là dù họ vẫn một lòng yêu mến, nhung nhớ về quê hương nhưng họ không muốn, hay nói đúng hơn là không thể quay về gắn bó với gốc rễ cội nguồn. Thu trong *Tiềm sinh* của Vô Ưu đã không khỏi ngỡ ngàng trước sự thay đổi của Đà Nẵng. Chỉ trong vỏn vẹn một năm nhưng thành phố lớn bậc nhì Việt Nam đã bơ phờ, xác xơ, điêu tàn, bất ổn *"Trong tôi, thành phố vẫn nguyên vẻ đẹp của ngày xưa. Dù cho cây càng ngày càng khô, đường càng ngày càng lỡ, Mỹ càng ngày càng nhiều."* [12]. Tương tự, "tao" trong *Cuộc săn người tàn bạo* của Biên Hồ cũng không khỏi ngạc nhiên, đau đớn khi đứng trước một Quy Nhơn nhớp nhơ, xô bồ, đầy bóng dáng người Mỹ *"Chúng ta lớn lên không còn làm sao tìm lại được những thứ đó. Tâm hồn mình già thêm một tí, cuộc sống cần thêm đi còn Qui Nhơn thì bây giờ cũng thay đổi kì dị. Nhà cửa chen chúc thêm, đường sá bị cày nát lên bởi những đoàn công voa ngày ngày bật đèn sáng trưng kéo nhau đi trong bụi bặm. Người ta phóng uế và đổ rác trên bãi biển, biến những ngọn đồi hóa ra công trường. Người Mỹ vỡ núi ra lấy đá. Người Mỹ đi nghênh ngang ngoài đường với điếm.*

Mỗi lần trở lại Qui Nhơn tao thấy nó xấu thêm nhiều và người sống ở đó lại hả hê thêm nhiều" [8]. Đặc biệt, với Thuyên trong *Gió cuốn* của Võ Hồng, những mâu thuẫn khi đối diện với quê hương và quá khứ của chính mình nhanh chóng khiến anh rơi vào nỗi bi kịch đầy đau đớn, xót xa. Cuộc đời Thuyên là một vòng luẩn quẩn với đầy những trạng thái mâu thuẫn, muốn chối bỏ quá khứ nhưng không thể quên đi quá khứ, muốn vượt thoát nhưng càng bị ghì chặt bởi khổ nghèo *"Anh muốn chối bỏ quá khứ, thù ghét nghèo nàn... Anh tìm cách đính chính, anh che giấu, anh ngụy tạo. Những chi tiết trước sau mâu thuẫn. Anh lúng túng chật vật, hồi hộp nhìn về đằng trước và khép nép dọn dẹp ở đằng sau, lúc nào cũng như sợ hãi người ta nhìn thấy những ngày cơ cực của mình trước."* [9]. Nguồn gốc cho bi kịch của Thuyên xuất phát từ hoàn cảnh chiến loạn, từ một xã hội xáo trộn sẵn sàng gây ra những thương tích lớn trong thể xác và tâm hồn của mọi cá nhân, mọi gia đình. Quá khứ của gia đình Thuyên in đậm dấu ấn về một thời xa vắng của đất nước. Nhưng ở hiện tại, sự đổi thay của thời cuộc đã khiến cho những dấu vết năm xưa hoàn toàn bị xóa bỏ, thứ còn sót lại trong Thuyên chỉ là một danh vị hão gắn với một đời sống khó khăn, cùng cực. Thế nên, khi nhìn lại quá khứ ấy, Thuyên không khỏi đau đáu, xót xa nhưng cũng rất muốn lãng quên, rũ bỏ.

Nếu khi sống tại quê hương, cảm giác nước đôi chủ yếu được nảy sinh từ những khác biệt của xưa và nay, quá khứ và hiện tại thì khi lưu lạc tại "đất khách quê người", sự giằng co trong nội tại chủ thể thuộc địa ngay lập tức được biểu hiện qua những khác biệt văn hóa giữa quê gốc và "mẫu quốc". Họ lựa chọn rời bỏ quê hương để đặt chân đến *"mẫu quốc"* và dùng toàn bộ thời gian sống ở *"mẫu quốc"* để kiếm tìm hình bóng quê hương. Trong *Một thoáng khói cay*, Du Li đã thông qua một buổi tiệc cưới của người Việt tại Hoa Kỳ để khắc họa trạng thái nước đôi đối với quê hương của người dân thuộc địa tại *"mẫu quốc"*. Khách mời đa số là người Việt Nam cùng nhắc nhớ những câu chuyện về Việt Nam. Họ sống tại trời Tây nhưng lại cảm giác cái đất "Nữu ước" này chả khác gì Sài Gòn. Họ đi qua nhiều vùng đất, nhưng nơi đâu cũng làm họ liên tưởng đến hình bóng quê hương *"Bãi biển đẹp nhưng còn thua bãi biển Nha-trang hay Đại-lãnh nhiều. Được cái ăn soài đã miệng, ngon chả kém gì soài hon Việt Nam."* [5]. Họ lưu giữ ký ức về quê hương bằng những phẩm vật thân thuộc của xứ sở như cây ớt, xu hào, củ cải, rau thơm, tía tô, xương xông, dọc mùng, rau muống, ... Những người Việt qua trang viết của Du Li mặc dù đang cố gắng thích nghi với đời sống nơi xứ người nhưng vẫn không xóa bỏ những nét văn hóa truyền thống của quê gốc. Vào ngày trọng đại nhất đời người, Nguyên và Thanh dù có thực hiện những lễ nghi phương Tây như cắt bánh, rót rượu, khiêu vũ nhưng vẫn không quên vận trang phục áo dài khăn đóng và đãi tiệc bằng món ăn Việt Nam. Quê gốc với họ là một điều đó vừa cách xa vừa gần gũi, vừa muốn quên đi vừa muốn gìn giữ, lưu truyền. Dù họ có rời xa quê hương nhưng vẫn không thể phủ nhận dấu ấn quê hương đã in sâu trong tiềm thức. Mạch nguồn xứ sở đã, đang và sẽ mãi mãi chảy trong huyết quản khiến họ dù có mặc cảm với thân phận thuộc địa, có tự ti về kiếp sống lạc loài nhưng vẫn không thể quay lưng, rũ bỏ hay quên lãng nơi chôn rau cắt rốn.

Nói đến một biểu hiện rõ nét cho nỗ lực giữ lại văn hóa bản địa của người dân di cư phải kể đến việc tổ chức Tết cổ truyền ở xứ

lạ quê người. Khi rời quê hương, đến với một đời sống mới, hành trang của những người dân di cư không có gì khác ngoài các giá trị truyền thống của dân tộc. Với họ, những ý niệm về Tết nói riêng, về các giá trị truyền thống của phong tục tập quán nói chung sẽ là sợi dây neo giữ tâm hồn để không bị "bật gốc" khỏi quê gốc. Trong *Cung chúc tân xuân* của Linh Bảo, nhân vật Mai càng cố gắng dùng mọi cách để tìm kiếm cảm giác gần gũi với quê hương qua việc tổ chức ngày Tết cổ truyền thì lại càng cảm thấy xa vắng, mông lung khi ngày Tết trên đất khách quê người chẳng thể nào mang lại phong vị xa xưa, quen thuộc. Ngày Tết Việt ở hải ngoại bị giới hạn bởi giá vé tham dự đắt đỏ, bởi những hoạt động bắt buộc vô bổ, bởi những quy định khắt khe của chính quyền và cả những bất cập từ sự khác biệt văn hóa. Thế nên, dù có tổ chức, nhưng ngày Tết của những người xa xứ cũng chỉ mang tính miễn cưỡng. Đối với Mai, nỗi lo lắng lớn nhất là thực trạng quên đi nguồn cội của thế hệ trẻ *"Trẻ em đông quá mà không cho nó ăn Tết, không giúp chúng nó có một ý niệm gì về Tết, lâu dần nó sẽ chẳng còn biết Việt Nam là cái gì nữa! Chúng sẽ mất gốc hết."* [1]. Nhưng mặt khác, chính Mai cũng từng có lúc chán ngán, muốn từ bỏ, quên đi những ý niệm về ngày Tết quê hương. Không chỉ riêng Mai mà rất nhiều người dân di cư luôn đi giữa cảm giác phân vân, sự lựa chọn khó khăn về việc nên hay không nên tiếp tục gìn giữ bản sắc dân tộc. Một mặt, họ vẫn khát khao lưu lại và truyền thụ những giá trị đẹp đẽ của văn hóa dân tộc đến các thế hệ mai sau. Mặt khác, một đời sống hoàn toàn khác biệt nơi xứ người đang cản trở, cách ngăn họ chạm tay vào quê hương nguồn cội.

Dưới bàn tay thống trị của chủ nghĩa thực dân, hành trình tìm kiếm quê hương của người dân bản địa càng trở nên chông chênh, gian khổ. Dù họ có xa cách hay gần gũi quê gốc về mặt địa lý thì trong suy nghĩ, tiềm thức vẫn không tránh khỏi những nỗi ngỡ ngàng, lạ lẫm khi đối diện với quê hương. Với người dân thuộc địa, quê hương vẫn nặng mang bao nghĩa tình, kỷ niệm nhưng khi nhìn nhận, đối diện với quê hương, họ vẫn không tránh khỏi cảm giác e dè, lạ lẫm, chơi vơi. Sự giày vò, cay đắng về thân phận của con người "vô Tổ quốc" cứ trở đi trở lại trong những trang viết của nhiều tác giả trên tạp chí *Bách Khoa.* Nỗi niềm ấy không chỉ xuất hiện khi người ta xa quê mà đau đớn hơn, là sống trên quê hương nhưng cảm thấy đã bị cướp mất quê hương thân thuộc của mình. Sau tất cả, những phức cảm đối nghịch, mâu thuẫn, đang xen ấy đã phần nào thể hiện những khát khao thầm kín, được trở về, được định vị, được khẳng định chính mình qua mối liên hệ cùng sự tương tác với quê gốc.

4. Kết luận

Sự tác động mạnh mẽ của chủ nghĩa thực dân cả mới lẫn cũ trong một thời gian dài đã hình thành trong con người Việt Nam một tâm thức hậu thuộc địa. Trong đó, tính nước đôi được xem là một biểu hiện rõ rệt cho những biến động to lớn mà ách thống trị thực dân đã gieo vào đời sống tinh thần của người dân thuộc địa. Tuy không sáng tác dưới ánh sáng hậu thuộc địa, cũng như không chủ động xây dựng nhân vật theo những nội dung của tính nước đôi nhưng rõ ràng, biểu hiện của phức cảm tâm lý này được các cây bút ở văn học đô thị bộc lộ khá rõ rệt. Những trạng thái mâu thuẫn, đối nghịch trong các mối quan hệ với "mẫu quốc" và "bản địa" góp phần tạo nên một cái nhìn vừa khái quát vừa cụ thể về bức

tranh tâm trạng của người dân Việt Nam giữa một bối cảnh hết sức hỗn tạp, đau thương, bi đát.

Ra đời đã gần nửa thế kỷ nhưng đến nay những truyện ngắn trên tạp chí *Bách Khoa* vẫn vẹn nguyên những giá trị quý giá. Nhiều câu chuyện đã thành công trong việc phản ánh trạng thái nước đôi của người dân Việt Nam trong những tháng năm đất nước bị cắt chia, xâm lấn. Các tác phẩm không chỉ phục dựng lại đời sống người dân miền Nam giai đoạn 1954-1975 mà còn là một minh chứng cụ thể cho sự xâm lăng văn hóa của thực dân đối với bản địa.

Chú thích

[1] Linh Bảo (1967). Cung chúc tân xuân. *Tạp chí Bách Khoa, 248:* 51.

[2] Trần Đại (1968). Khi mùa xuân tới. *Tạp chí Bách Khoa, 267-268:* 58.

[3] Lê Tất Điều (1967). Buổi chiều. *Tạp chí Bách Khoa, 247:* 50.

[4] Du Li (1973). Trong lòng son. *Tạp chí Bách Khoa, 392:* 60.

[5] Du Li (1973). Một thoáng khói cay. *Tạp chí Bách Khoa, 398:* 67.

[6] Du Li (1974). Trong cơn thoát xác. *Tạp chí Bách Khoa, 408:* 70.

[7] Sơn Nam (1963). Một chuyện khó tin. *Tạp chí Bách Khoa, 146:* 99.

[8] Biên Hồ (1969). Cuộc săn người tàn bạo. *Tạp chí Bách Khoa, 301:* 51.

[9] Võ Hồng (1967). Gió cuốn. *Tạp chí Bách Khoa, 241-242:* 107-108.

[10] Võ Hồng (1972). Màu xanh ảo giác. *Tạp chí Bách Khoa, 361-362:* 89.

[11] Kinh Dương Vương (1970). Chuyến xe. *Tạp chí Bách Khoa, 332-333:* 56.

[12] Vô Ưu (1972). Tiềm sinh. *Tạp chí Bách Khoa, 361-362:* 118.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

Ashcroft, B., Griffiths, G., and Tiffin, H. (2000). *Key concepts in post-colonial studies*. London, Routledge Taylor and Francis Group.

Võ Phiến (1986). *Hai mươi năm văn học miền Nam 1954-1975 (Tổng quan)*. Nxb Văn Nghệ California.

Bùi Thanh Thảo (2014). Tính nước đôi trong truyện ngắn Con thú tật nguyền của Ngụy Ngữ. *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, *Niên san 2013-2014*: 76-83.

Trần Mỹ Tường, Bùi Thanh Thảo (2018). Tính chất nước đôi và kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Chinatown của Thuận. *Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ, 54*(3C): 229-234.

Trần Hữu Tá (2000). *Nhìn lại một chặng đường văn học*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.